

**ĐẠI HỌC Y DƯỢC TP HCM
BỆNH VIỆN ĐẠI HỌC Y DƯỢC**

Số: 3058/BVĐHYD-QTTN

V/v mời chào giá

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 10 năm 2021

Kính gửi: Các nhà cung cấp

Bệnh viện Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh mời các nhà cung cấp có quan tâm, có khả năng cung cấp và lắp đặt máy lạnh, máy nước uống, quạt, ống gió, vật tư cấp thoát nước cho Phòng Hồi sức ghép tạng của Đơn vị Gây mê hồi sức phẫu thuật tim mạch tại lầu 5, Khoa Niệu học chức năng tại lầu 12 và Khoa Sơ sinh tại lầu 3 khu B tại Bệnh viện Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh báo giá theo phụ lục đính kèm.

Đề nghị các nhà cung cấp gửi file pdf báo giá có ký tên đóng dấu theo mẫu đính kèm, file excel báo giá (nếu có) đến email moichaogia@umc.edu.vn và gửi bản giấy có đóng dấu về Phòng Quản trị tòa nhà, Bệnh viện Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh (địa chỉ 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh).

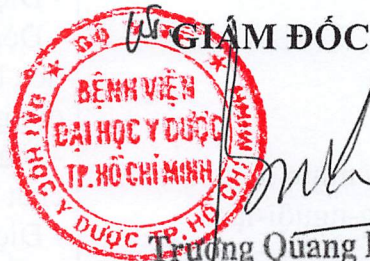
- Thời gian nhận báo giá: đến hết ngày ..05/11/2021

- Điện thoại liên hệ: 028.39525443 (Anh Vĩnh - Phòng Quản trị tòa nhà).

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đơn vị Quản lý Đấu thầu (để đăng tin);
- Lưu: VT, QTTN (J16-195-dtthuy) (3).



Trương Quang Bình
Phó Giám đốc

PHỤ LỤC

DANH MỤC HÀNG HÓA MỜI CHÀO GIÁ

(Kèm theo công văn mời chào giá số: 3058 /BVĐHYD-QTTN ngày 29 /10 / 2021)

Stt	Danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1	Máy lạnh treo tường 18.000BTU (2.0Hp)	- Công nghệ máy nén: không inverter - Môi chất làm lạnh: R32 - Công suất: 18.000BTU (2.0Hp) - Điện áp: 220V/50Hz - Bảo hành: 24 tháng	cái	15
2	Quạt nổi ống , công suất 380W, lưu lượng gió 2100 m3/h	- Điện áp: 220V/AC~50Hz - Lưu lượng gió: 1800/2100m3/h, cột áp 380Pa - Kích thước cổ kết ống dẫn: 250 mm - Công suất: 300/380W	cái	1
3	Máy nước uống 3 vòi: nóng-nguội-lạnh	- Vật liệu khung vỏ: thép không gỉ - Công suất vòi nóng 15 lít/giờ. Bình chứa nóng thép không gỉ SUS304: 3.5 lít - Công suất vòi lạnh 12 lít/giờ. Bình chứa nước lạnh thép không gỉ: 2.6 lít - Công suất vòi nguội 15 lít/giờ - Điện nguồn AC 220V- 50Hz - Đèn UV khử trùng: đèn UV 14W. Vỏ đèn bằng thép không gỉ. Thời gian sử dụng bóng đèn U.V: 3000h - Máy nén: 1/6 HP (sử dụng ga/môi chất R134a) - Điện trở: 800W - Đồng hồ hiển thị độ nóng: 20 độ đến 120 độ - Hệ thống lọc: 3 cấp lọc. Kết nối bằng khớp xoay gài trên đầu lõi. Độ dài 10 inch. Đường kính 2.5 inch +Lọc Prefilter: kích thước lỗ lọc 5 micron +Lọc Carbon- Than hoạt tính: tốc độ lọc 4 lít / phút +Lọc trung hòa PH: kích thước lỗ lọc 1 micron	cái	1

Stt	Danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
4	Hộp chứa lọc HEPA kèm mặt nạ Kích thước: D1289xR680xC400mm	– Kích thước: D1289xR680xC400mm – Vật liệu: thép không gỉ dày 1.2mm – Hộp chứa lọc HEPA kèm mặt nạ dày 1.0mm có sợi lỗ tròn – Có cổ nối ống D250 - Tương thích với lọc HEPA H13 kích thước D1219xR610xC66 mm	cái	2
5	Lọc HEPA H13 Kích thước: D1219xR610xC66mm	– Hiệu suất lọc theo MPPS- H13: $\geq 99.95\%$ – Kích thước: D1219xR610xC66 mm – Vật liệu lọc: giấy sợi thủy tinh, khung nhôm định hình – Lưới bảo vệ màng lọc 2 bên bằng thép sơn tĩnh điện – Lưu lượng/chênh áp ban đầu: 1205/114 m³/h/Pa – Chênh áp khuyến cáo thay thế: 500 (Pa)	cái	2
6	Cảm biến chênh áp	– Dải đo tùy chỉnh: -50...+50 Pa – Nguồn cấp: DC 24V – Ngõ ra: 4-20 mA – AO: DC 0V...10V/20 mA	cái	1
7	Màn hình hiển thị độ chênh áp	– Nguồn điện: 24V$\pm$10% -3VA – Tải ngõ ra (DO): 2A max – AO: DC 0V...10V/20 mA – IP: 30 – Có tiếp điểm khô - Tương đương mã hàng TCI-W22 nhãn hiệu Vector	cái	1
8	Đèn cảnh báo	– Đường kính: 100 mm – Chiều cao: 150 mm – Vật liệu : PVC – Nguồn điện: DC 12V – Đèn báo: ánh sáng đỏ, có động cơ và chóa đèn xoay tròn	cái	1
9	Ống đồng đã bao gồm cách nhiệt và dây điện 2.5 mm ²	– Vật liệu: đồng – Kích thước :Ø6.35 x 0.7 mm và Ø12.7 x 0.7 mm – Ống đồng liên tục không chấp nối bằng co hoặc hàn xì. Không rỉ sét. Bề mặt sáng bóng, không bị rỗ, ố đen. – Vật liệu cách nhiệt: ống cao su lưu hoá gốc EPDM, chống cháy, dày 13mm, dài 2 mét.	mét	30

Stt	Danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		– Dây cáp điện D2.5 mm ² , chiều dày cách điện 0.8 mm		
10	Giá đỡ thép 450x500 mm	– Vật liệu: thép V5 dày 4 mm, sơn dầu – Kích thước: 450x500 mm	bộ	3
11	Ống gió có cách nhiệt 300x250 mm	– Kích thước: 300x250 mm, dày 0.75mm – Vật liệu: tôn mạ kẽm – Kèm cách nhiệt PE OPP, mút, xốp dày 40 mm	mét	1,8
12	Ống gió có cách nhiệt 250x250 mm	– Kích thước: 250x250 mm, dày 0.75mm – Vật liệu: tôn mạ kẽm – Kèm cách nhiệt PE OPP, mút, xốp dày 40mm	mét	9
13	Ống gió có cách nhiệt 400x300 mm	– Kích thước: 400x300 mm, dày 0.75mm – Vật liệu: thép mạ kẽm, dày 0.75 mm – Kèm cách nhiệt PE OPP, mút, xốp dày 40 mm	mét	5
14	Ống gió có cách nhiệt 300x300 mm	– Kích thước: 300x300 mm, dày 0.75mm – Vật liệu: thép mạ kẽm, dày 0.75 mm – Kèm cách nhiệt PE OPP, mút, xốp dày 40 mm	mét	9
15	Cổ góp gió có cách nhiệt 450x300/250x250 mm	– Kích thước: 450x300/250x250 mm – Vật liệu: tôn mạ kẽm, dày 0.75 mm – Kèm cách nhiệt PE OPP, mút, xốp dày 40 mm	cái	1
16	Cổ góp gió có cách nhiệt D250 mm	– Kích thước: D250 mm – Vật liệu: tôn mạ kẽm, dày 0.75 mm – Kèm cách nhiệt PE OPP, mút, xốp dày 40 mm	cái	6
17	Co chuyển vuông tròn có cách nhiệt 300x300/D250 mm	– Kích thước: 300x300/D250 mm – Vật liệu: tôn mạ kẽm, dày 0.75 mm – Kèm cách nhiệt PE OPP, mút, xốp dày 40 mm	cái	4
18	Mặt nạ gió 600x600 mm	– Kích thước: 600x600 mm – Vật liệu: nhôm sơn tĩnh điện trắng 2 lớp	cái	8

Stt	Danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
19	Hộp mặt nạ có cách nhiệt 460x460x150 mm	– Kích thước: 460x460x150 mm – Vật liệu: tôn mạ kẽm – Kèm cách nhiệt PE OPP, mút, xốp dày 40 mm	cái	8
20	Mặt nạ gió 200x200 mm	– Kích thước: 200x200 mm – Vật liệu: nhôm sơn tĩnh điện trắng 2 lớp	cái	1
21	Hộp mặt nạ có cách nhiệt 200x200x100 mm	– Kích thước: 200x200x100 mm – Vật liệu: tôn mạ kẽm – Kèm cách nhiệt PE OPP, mút, xốp dày 40 mm	cái	1
22	Van chỉnh gió có cách nhiệt D250 mm	– Kích thước: D250 mm – Vật liệu: tôn mạ kẽm dày 0.75 mm – Kèm cách nhiệt PE, mút, xốp dày 40 mm	cái	5
23	Ống gió mềm D250mm có cách nhiệt PE	– Kích thước: D250 mm, – Vật liệu: nhôm 4 lớp, lò xo kẽm – Kèm cách nhiệt sợi PE	mét	20
24	Vòi nước cảm ứng tại đầu vòi (AC 200V – 250V/DC 6V)	– Vật liệu: thép không gỉ – Nguồn sử dụng : AC 200V – 250V/DC 6V (sử dụng điện hoặc pin 4 x 2A) – Kích thước : cao 340 mm, khoảng cách đầu vòi và thân vòi là 120mm – Phạm vi cảm biến : 10-30 cm – Áp suất cho phép : 0.5 Bar – 8 Bar – Nhiệt độ cho phép : < 45 độ C – Chuẩn kết nối : G (1/2)", dây nối 21 mm – Vận tốc chảy : < 0.15 l/s	cái	3
25	Vòi nước lạnh cho chậu rửa thép không gỉ	– Kích thước: cao 365 mm, khoảng cách đầu vòi và thân vòi là 205mm – Vật liệu: thép không gỉ – Vòi có thể xoay 360 độ	cái	1
26	Chậu rửa âm bàn 580x430x220 mm . Bao gồm giá đỡ	– Kích thước (dài x rộng x cao): 580x430x220 mm – Vật liệu sứ, có men chống bám bẩn – Màu sắc: Trắng – Bao gồm giá đỡ thép không gỉ – Không bao gồm vòi, bộ xả...	cái	1

Stt	Danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
27	Chậu rửa treo, kèm chân lửng kích thước: 500x460x462mm	– Kích thước: 500x460x462 mm – Vật liệu sứ, có men chống bám bẩn – Kèm chân lửng – Màu sắc: Trắng – Không bao gồm vòi, bộ xả...	cái	2
28	Bồn cầu 2 khối	– Vật liệu sứ, có men chống bám bẩn – Màu sắc: Trắng – Bồn cầu 2 khối nắp êm – Xả thẳng, kiểu thoát sàn – Tiết kiệm nước 3L/6L – Xả nhấn 2 nút	cái	1
29	Bộ xả chậu rửa sứ	– Vật liệu: thép không gỉ – Đầu xy phong, ống thoát nước bằng thép không gỉ	cái	3
30	Bộ xả cho chậu rửa thép không gỉ	– Kích thước: Ø 140 mm – Vật liệu: thép không gỉ – Ống xi phong bằng nhựa, bộ xi phong có bầu lửng chống hôi và bám cặn – Bầu xả có rổ lọc rác có quai xách, nắp đậy ron kín – Bộ xả bao gồm đầy đủ 1 bầu xả + 1 bộ ống thoát nước bồn rửa PVC + 1 bộ xả tràn	cái	1
31	Hộp đựng xà phòng cảm ứng 600 ml	– Dung tích 600 ml – Vật liệu chế tạo: ABS – Pin: 4 viên pin “AA” – Nguồn: 6V DC – Độ rộng cảm ứng: 0~10 CM – Mức pin tối thiểu: 4.2V - Có kèm biến áp 220VAC/6VDC	cái	4
32	Ống nước PPR Ø25 mm	– Kích thước: Ø25 mm – Vật liệu: PPR – Áp lực làm việc: PN10	mét	40
33	Van khóa PPR Ø25 mm	– Kích thước: Ø25 mm – Vật liệu: PPR – Áp lực làm việc: PN20	cái	2
34	Tê PPR Ø25 mm	– Kích thước : Ø25 mm – Vật liệu: PPR – Áp lực làm việc: PN20	cái	6

Stt	Danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
35	Co PPR Ø25 mm	– Kích thước : Ø25 mm – Vật liệu: PPR – Áp lực làm việc: PN20	cái	10
36	Co ren trong PPR Ø25 mm	– Kích thước: Ø25 mm – Vật liệu: PPR – Áp lực làm việc: PN20	cái	7
37	Van góc thép không gỉ Ø21	– Kích thước : Ø21 mm – Vật liệu: thép không gỉ	cái	7
38	Đèn cực tím (UV) công suất khử trùng nước 0.7m3/giờ bao gồm bộ nguồn	– Chiều dài: 43.2 cm – Chiều rộng: 6.5 cm – Vỏ đèn: thép không gỉ – Áp suất hoạt động: 8.62Bar / 125PSI (max) – Nguồn điện: 220V/50Hz. – Lưu lượng: 0.7m3/h – Đường ống vào/ra: Ø21 – Nguồn tiêu thụ: 22W – Công suất bóng đèn: (17W) – Nhiệt độ nước: 2-400 C – Tuổi thọ: 9000h Tương đương mã S2Q PA2 của hãng Viqua Bao gồm: bóng đèn UV, ống thạch anh, tăng-phô	bộ	1
39	Bộ vỏ và lõi lọc thô đầu nguồn 4 cấp 10 inch	– Vật liệu vỏ lọc : PVC – Kích thước: 10 inch – Áp lực nước tương ứng: 0.15-0.3MPA. – Lưu lượng lọc: 400L/h. – 03 Lõi lọc: lọc 5 µm, than hoạt tính, lọc 1 µm Bao gồm 3 vỏ lọc (2 trắng, 1 trong) và giá treo bằng thép không gỉ		1
40	Vòi xịt 1.0 mét	– Kích thước: dài 1.0 mét – Vật liệu: nhựa mạ Niken – Crom, lõi van đồng, dây nhựa trắng – Áp lực làm việc: 0.05 MPa ~ 0.75 MPa Bao gồm: vòi xịt, móc treo, tấm lọc, dây cấp nước	cái	1
41	Thoát sàn thép không gỉ 120x120 mm	– Kích thước: 120x120 mm, dày 1.5 mm – Vật liệu: thép không gỉ – Ống chờ thoát D60mm, có thể dùng ống thoát D90mm	cái	1

Stt	Danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
42	Chậu rửa thép không gỉ 750x480x230 mm(DxRxC)	– Kích thước: 750x480x230 mm(DxRxC) – Vật liệu: thép không gỉ SUS304 Bộ sản phẩm bao gồm: 1 chậu rửa chén, 1 bộ xả, rổ lọc rác bằng thép không gỉ SUS304	cái	1
43	Giá đỡ chậu rửa thép không gỉ 750x480x820 mm	– Kích thước: 750x480x820 mm – Vật liệu: thép không gỉ	cái	1
44	Ống nước PVC Ø27 mm	– Kích thước: Ø27 mm – Vật liệu: PVC – Áp lực làm việc: PN12	mét	8
45	Co , Tê, lơi PVC Ø27 mm	– Kích thước: Ø27 mm – Vật liệu: PVC – Áp lực làm việc: PN15	cái	5
46	Ống nước PVC Ø42 mm	– Kích thước: Ø42 mm – Vật liệu: PVC – Áp lực làm việc: PN9	mét	12
47	Co , Tê, lơi PVC Ø42 mm	– Kích thước: Ø42 mm – Vật liệu: PVC – Áp lực làm việc: PN12	cái	11
48	Ống nước PVC Ø60 mm	– Kích thước: Ø60 mm – Vật liệu: PVC – Áp lực làm việc: PN6	mét	6
49	Co , lơi PVC Ø60 mm	– Kích thước: Ø60 mm – Vật liệu: PVC – Áp lực làm việc: PN6	cái	6
50	Co Y PVC Ø60/Ø42 mm	– Kích thước: Ø60/Ø42 mm – Vật liệu: PVC – Áp lực làm việc: PN6	cái	1
51	Co Y PVC Ø90/Ø60 mm	– Kích thước: Ø90/Ø60 mm – Vật liệu: PVC – Áp lực làm việc: PN6	cái	1
52	Chống hôi (con thỏ) PVC Ø60 mm	– Kích thước: Ø60 mm – Vật liệu: PVC – Áp lực làm việc: PN6	cái	1
53	Dây cấp nước 50 cm	– Kích thước: 50 cm – Vật liệu: thép không gỉ, 2 đầu ren trong bằng thau – Áp lực nước: $\leq 50 \text{ kg/cm}^2$	sợi	8

Stt	Danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
54	Ống nước Ø114 mm	– Kích thước: Ø114 mm – Vật liệu: PVC – Áp lực làm việc: PN5	mét	4
55	Co, co lồi Ø114 mm	– Kích thước: Ø114 mm – Vật liệu: PVC – Áp lực làm việc: PN6	cái	6
56	Nối thông tắt PVC Ø114 mm	– Kích thước: Ø114 mm – Vật liệu: PVC – Áp lực làm việc: PN5	cái	1
57	Vật tư phụ	Vật tư phụ trọn gói để hoàn thiện tất cả các mục hàng hóa đã cung cấp bao gồm: silicon, giá đỡ ống gió thép V5, khung đỡ lọc HEPA, bu long, tán M8, vít bản, thanh ren, tắc kê, cùm treo, gối đỡ, keo dán, keo dán ống nước, băng keo lụa, băng keo bạc, kềm, ốc vít, ron cao su, sơn, lưỡi cắt....	hệ	1
58	Chi phí lắp đặt	Lắp đặt trọn gói để hoàn thiện hàng hóa đã cung cấp: – Lắp đặt ống gió, cấp gió, lọc HEPA, quạt vuông ...kết nối ống gió của lạnh trung tâm. – Lắp đặt máy lạnh treo tường. – Khoan ty treo, lắp giá đỡ. – Vật tư, thiết bị cấp nước, thoát nước. – Lắp đặt kết nối vật tư âm trần. – Cắt đục âm tường ống nước, vệ sinh, di chuyển rác sau lắp đặt ra khỏi bệnh viện. – Hoàn thiện tường, tường bê-tông, sàn, vách, trần...đạt kỹ thuật, thẩm mỹ. – Lắp đặt đường ống cấp, thoát nước và thiết bị vệ sinh theo bản vẽ HSSG01 và NO1. – Lắp đặt ống gió, miệng gió theo bản vẽ HSSG02 và NO2. – Khoan lỗ bê tông D60: 06 lỗ. – Khoan lỗ bê tông D100: 01 lỗ. – Khoan lỗ bê tông D120: 01 lỗ. – Thời gian thực hiện: hành chính, ngoài giờ hành chính, Chủ nhật, ngày lễ.	gói	1

CÔNG TY:

ĐỊA CHỈ:

SỐ ĐIỆN THOẠI:

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Theo công văn mời chào giá số/BVĐHYD-QTTN ngày / /2021 của Bệnh viện, Công ty chúng tôi báo giá như sau:

Stt	Danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
1	Máy lạnh treo tường 18.000BTU (2.0Hp)	– Công nghệ máy nén: không inverter – Môi chất làm lạnh: R32 – Công suất: 18.000BTU (2.0Hp) – Điện áp: 220V/50Hz – Bảo hành: 24 tháng	cái	15		
2	Quạt nối ống, công suất 380W, lưu lượng gió 2100 m ³ /h	– Điện áp: 220V/AC~50Hz – Lưu lượng gió: 1800/2100m³/h, cột áp 380Pa – Kích thước cổ kết ống dẫn: 250 mm – Công suất: 300/380W	cái	1		
3	Máy nước uống 3 vòi: nóng-nguội-lạnh	- Vật liệu khung vỏ: thép không gỉ - Công suất vòi nóng 15 lít/giờ. Bình chứa nóng thép không gỉ SUS304: 3.5 lít - Công suất vòi lạnh 12 lít/giờ. Bình chứa nước lạnh thép không gỉ: 2.6 lít - Công suất vòi nguội 15 lít/giờ - Điện nguồn AC 220V-50Hz - Đèn UV khử trùng: đèn UV 14W. Vỏ đèn bằng thép không gỉ. Thời gian sử dụng bóng đèn U.V: 3000h - Máy nén: 1/6 HP (sử dụng ga/môi chất R134a)	cái	1		

Stt	Danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
		- Điện trở: 800W - Đồng hồ hiển thị độ nóng: 20 độ đến 120 độ - Hệ thống lọc: 3 cấp lọc. - Kết nối bằng khớp xoay gài trên đầu lõi. Độ dài 10 inch. Đường kính 2.5 inch +Lọc Prefilter: kích thước lỗ lọc 5 micron +Lọc Carbon- Than hoạt tính: tốc độ lọc 4 lít / phút +Lọc trung hòa PH: kích thước lỗ lọc 1 micron				
4	Hộp chứa lọc HEPA kèm mặt nạ Kích thước: D1289xR680xC400mm	- Kích thước: D1289xR680xC400mm - Vật liệu: thép không gỉ dày 1.2mm - Hộp chứa lọc HEPA kèm mặt nạ dày 1.0mm có soi lỗ tròn - Có cổ nối ống D250 - Tương thích với lọc HEPA H13 kích thước D1219xR610xC66 mm	cái	2		
5	Lọc HEPA H13 Kích thước: D1219xR610xC66mm	- Hiệu suất lọc theo MPPS-H13: $\geq 99.95\%$ - Kích thước: D1219xR610xC66 mm - Vật liệu lọc: giấy sợi thủy tinh, khung nhôm định hình - Lưới bảo vệ màng lọc 2 bên bằng thép sơn tĩnh điện - Lưu lượng/chênh áp ban đầu: 1205/114 m³/h/Pa - Chênh áp khuyến cáo thay thế: 500 (Pa)	cái	2		
6	Cảm biến chênh áp	- Dải đo tùy chỉnh: -50...+50 Pa - Nguồn cấp: DC 24V - Ngõ ra: 4-20 mA - AO: DC 0V...10V/20 mA	cái	1		

Stt	Danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
7	Màn hình hiển thị độ chênh áp	– Nguồn điện: 24V±10% - 3VA – Tải ngõ ra (DO): 2A max – AO: DC 0V...10V/20 mA – IP: 30 – Có tiếp điểm khô Tương đương mã hàng TCI-W22 nhãn hiệu Vector	cái	1		
8	Đèn cảnh báo	– Đường kính: 100 mm – Chiều cao: 150 mm – Vật liệu : PVC – Nguồn điện: DC 12V – Đèn báo: ánh sáng đỏ, có động cơ và chóa đèn xoay tròn	cái	1		
9	Ống đồng đã bao gồm cách nhiệt và dây điện 2.5 mm ²	– Vật liệu: đồng – Kích thước :Ø6.35 x 0.7 mm và Ø12.7 x 0.7 mm – Ống đồng liên tục không chấp nối bằng co hoặc hàn xì. Không rỉ sét. Bề mặt sáng bóng, không bị rỉ, ố đen. – Vật liệu cách nhiệt: ống cao su lưu hoá gốc EPDM, chống cháy, dày 13mm, dài 2 mét. – Dây cáp điện D2.5 mm², chiều dày cách điện 0.8 mm	mét	30		
10	Giá đỡ thép 450x500 mm	– Vật liệu: thép V5 dày 4 mm, sơn dầu – Kích thước: 450x500 mm	bộ	3		
11	Ống gió có cách nhiệt 300x250 mm	– Kích thước: 300x250 mm, dày 0.75mm – Vật liệu: tôn mạ kẽm – Kèm cách nhiệt PE OPP, mút, xốp dày 40 mm	mét	1,8		
12	Ống gió có cách nhiệt 250x250 mm	– Kích thước: 250x250 mm, dày 0.75mm – Vật liệu: tôn mạ kẽm – Kèm cách nhiệt PE OPP, mút, xốp dày 40mm	mét	9		
13	Ống gió có cách nhiệt 400x300 mm	– Kích thước: 400x300 mm, dày 0.75mm – Vật liệu: thép mạ kẽm, dày	mét	5		

Stt	Danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
		0.75 mm – Kèm cách nhiệt PE OPP, mút, xốp dày 40 mm				
14	Ống gió có cách nhiệt 300x300 mm	– Kích thước: 300x300 mm, dày 0.75mm – Vật liệu: thép mạ kẽm, dày 0.75 mm – Kèm cách nhiệt PE OPP, mút, xốp dày 40 mm	mét	9		
15	Cổ góp gió có cách nhiệt 450x300/250x250 mm	– Kích thước: 450x300/250x250 mm – Vật liệu: tôn mạ kẽm, dày 0.75 mm – Kèm cách nhiệt PE OPP, mút, xốp dày 40 mm	cái	1		
16	Cổ góp gió có cách nhiệt D250 mm	– Kích thước: D250 mm – Vật liệu: tôn mạ kẽm, dày 0.75 mm – Kèm cách nhiệt PE OPP, mút, xốp dày 40 mm	cái	6		
17	Co chuyển vuông tròn có cách nhiệt 300x300/D250 mm	– Kích thước: 300x300/D250 mm – Vật liệu: tôn mạ kẽm, dày 0.75 mm – Kèm cách nhiệt PE OPP, mút, xốp dày 40 mm	cái	4		
18	Mặt nạ gió 600x600 mm	– Kích thước: 600x600 mm – Vật liệu: nhôm sơn tĩnh điện trắng 2 lớp	cái	8		
19	Hộp mặt nạ có cách nhiệt 460x460x150 mm	– Kích thước: 460x460x150 mm – Vật liệu: tôn mạ kẽm – Kèm cách nhiệt PE OPP, mút, xốp dày 40 mm	cái	8		
20	Mặt nạ gió 200x200 mm	– Kích thước: 200x200 mm – Vật liệu: nhôm sơn tĩnh điện trắng 2 lớp	cái	1		
21	Hộp mặt nạ có cách nhiệt 200x200x100 mm	– Kích thước: 200x200x100 mm – Vật liệu: tôn mạ kẽm – Kèm cách nhiệt PE OPP, mút, xốp dày 40 mm	cái	1		

Stt	Danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
22	Van chỉnh gió có cách nhiệt D250 mm	– Kích thước: D250 mm – Vật liệu: tôn mạ kẽm dày 0.75 mm – Kèm cách nhiệt PE, mút, xốp dày 40 mm	cái	5		
23	Ống gió mềm D250mm có cách nhiệt PE	– Kích thước: D250 mm, – Vật liệu: nhôm 4 lớp, lò xo kẽm – Kèm cách nhiệt sợi PE	mét	20		
24	Vòi nước cảm ứng tại đầu vòi (AC 200V – 250V/DC 6V)	– Vật liệu: thép không gỉ – Nguồn sử dụng : AC 200V – 250V/DC 6V (sử dụng điện hoặc pin 4 x 2A) – Kích thước : cao 340 mm, khoảng cách đầu vòi và thân vòi là 120mm – Phạm vi cảm biến : 10-30 cm – Áp suất cho phép : 0.5 Bar – 8 Bar – Nhiệt độ cho phép : < 45 độ C – Chuẩn kết nối : G (1/2)", dây nối 21 mm – Vận tốc chảy : < 0.15 l/s	cái	3		
25	Vòi nước lạnh cho chậu rửa thép không gỉ	– Kích thước: cao 365 mm, khoảng cách đầu vòi và thân vòi là 205mm – Vật liệu: thép không gỉ – Vòi có thể xoay 360 độ	cái	1		
26	Chậu rửa âm bàn 580x430x220 mm . Bao gồm giá đỡ	– Kích thước (dài x rộng x cao): 580x430x220 mm – Vật liệu sứ, có men chống bám bẩn – Màu sắc: Trắng – Bao gồm giá đỡ thép không gỉ – Không bao gồm vòi, bộ xả...	cái	1		

Stt	Danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
27	Chậu rửa treo, kèm chân lửng kích thước: 500x460x462mm	– Kích thước: 500x460x462 mm – Vật liệu sứ, có men chống bám bẩn – Kèm chân lửng – Màu sắc: Trắng – Không bao gồm vòi, bộ xả...	cái	2		
28	Bồn cầu 2 khối	– Vật liệu sứ, có men chống bám bẩn – Màu sắc: Trắng – Bồn cầu 2 khối nắp êm – Xả thẳng, kiểu thoát sàn – Tiết kiệm nước 3L/6L – Xả nhấn 2 nút	cái	1		
29	Bộ xả chậu rửa sứ	– Vật liệu: thép không gỉ – Đầu xy phong, ống thoát nước bằng thép không gỉ	cái	3		
30	Bộ xả cho chậu rửa thép không gỉ	– Kích thước: Ø 140 mm – Vật liệu: thép không gỉ – Ống xi phong bằng nhựa, bộ xi phong có bầu lửng chống hôi và bám cặn – Bầu xả có rổ lọc rác có quai xách, nắp đậy ron kín – Bộ xả bao gồm đầy đủ 1 bầu xả + 1 bộ ống thoát nước bồn rửa PVC + 1 bộ xả tràn	cái	1		
31	Hộp đựng xả phòng cảm ứng 600 ml	– Dung tích 600 ml – Vật liệu chế tạo: ABS – Pin: 4 viên pin “AA” – Nguồn: 6V DC – Độ rộng cảm ứng: 0~10 CM – Mức pin tối thiểu: 4.2V - Có kèm biến áp 220VAC/6VDC	cái	4		
32	Ống nước PPR Ø25 mm	– Kích thước: Ø25 mm – Vật liệu: PPR – Áp lực làm việc: PN10	mét	40		
33	Van khóa PPR Ø25 mm	– Kích thước: Ø25 mm – Vật liệu: PPR – Áp lực làm việc: PN20	cái	2		

Stt	Danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
34	Tê PPR Ø25 mm	– Kích thước : Ø25 mm – Vật liệu: PPR – Áp lực làm việc: PN20	cái	6		
35	Co PPR Ø25 mm	– Kích thước : Ø25 mm – Vật liệu: PPR – Áp lực làm việc: PN20	cái	10		
36	Co ren trong PPR Ø25 mm	– Kích thước: Ø25 mm – Vật liệu: PPR – Áp lực làm việc: PN20	cái	7		
37	Van góc thép không gỉ Ø21	– Kích thước : Ø21 mm – Vật liệu: thép không gỉ	cái	7		
38	Đèn cực tím (UV) công suất khử trùng nước 0.7m3/giờ bao gồm bộ nguồn	– Chiều dài: 43.2 cm – Chiều rộng: 6.5 cm – Vỏ đèn: thép không gỉ – Áp suất hoạt động: 8.62Bar / 125PSI (max) – Nguồn điện: 220V/50Hz. – Lưu lượng: 0.7m3/h – Đường ống vào/ra: Ø21 – Nguồn tiêu thụ: 22W – Công suất bóng đèn: (17W) – Nhiệt độ nước: 2-400 C – Tuổi thọ: 9000h Tương đương mã S2Q PA2 của hãng Viqua Bao gồm: bóng đèn UV, ống thạch anh, tăng-phô	bộ	1		
39	Bộ vỏ và lõi lọc thô đầu nguồn 4 cấp 10 inch	– Vật liệu vỏ lọc : PVC – Kích thước: 10 inch – Áp lực nước tương ứng: 0.15-0.3MPa. – Lưu lượng lọc: 400L/h. – 03 Lõi lọc: lọc 5 µm, than hoạt tính, lọc 1 µm Bao gồm 3 vỏ lọc (2 trắng, 1 trong) và giá treo bằng thép không gỉ		1		
40	Vòi xịt 1.0 mét	– Kích thước: dài 1.0 mét – Vật liệu: nhựa mạ Niken – Crom, lõi van đồng, dây nhựa trắng – Áp lực làm việc: 0.05 MPa ~ 0.75 MPa	cái	1		

Stt	Danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
		Bao gồm: vòi xịt, móc treo, tấm lọc, dây cấp nước				
41	Thoát sàn thép không gỉ 120x120 mm	– Kích thước: 120x120 mm, dày 1.5 mm – Vật liệu: thép không gỉ – Ống chờ thoát D60mm, có thể dùng ống thoát D90mm	cái	1		
42	Chậu rửa thép không gỉ 750x480x230 mm(DxRxC)	– Kích thước: 750x480x230 mm(DxRxC) – Vật liệu: thép không gỉ SUS304 - Bộ sản phẩm bao gồm: 1 chậu rửa chén, 1 bộ xả, rổ lọc rác bằng thép không gỉ SUS304	cái	1		
43	Giá đỡ chậu rửa thép không gỉ 750x480x820 mm	– Kích thước: 750x480x820 mm – Vật liệu: thép không gỉ	cái	1		
44	Ống nước PVC Ø27 mm	– Kích thước: Ø27 mm – Vật liệu: PVC – Áp lực làm việc: PN12	mét	8		
45	Co , Tê, lơi PVC Ø27 mm	– Kích thước: Ø27 mm – Vật liệu: PVC – Áp lực làm việc: PN15	cái	5		
46	Ống nước PVC Ø42 mm	– Kích thước: Ø42 mm – Vật liệu: PVC – Áp lực làm việc: PN9	mét	12		
47	Co , Tê, lơi PVC Ø42 mm	– Kích thước: Ø42 mm – Vật liệu: PVC – Áp lực làm việc: PN12	cái	11		
48	Ống nước PVC Ø60 mm	– Kích thước: Ø60 mm – Vật liệu: PVC – Áp lực làm việc: PN6	mét	6		
49	Co , lơi PVC Ø60 mm	– Kích thước: Ø60 mm – Vật liệu: PVC – Áp lực làm việc: PN6	cái	6		
50	Co Y PVC Ø60/Ø42 mm	– Kích thước: Ø60/Ø42 mm – Vật liệu: PVC – Áp lực làm việc: PN6	cái	1		

TẾ
 VIỆN
 CYDU
 CHIM

Stt	Danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
51	Co Y PVC Ø90/Ø60 mm	– Kích thước: Ø90/Ø60 mm – Vật liệu: PVC – Áp lực làm việc: PN6	cái	1		
52	Chống hồi (con thò) PVC Ø60 mm	– Kích thước: Ø60 mm – Vật liệu: PVC – Áp lực làm việc: PN6	cái	1		
53	Dây cấp nước 50 cm	– Kích thước: 50 cm – Vật liệu: thép không gỉ, 2 đầu ren trong bằng thau – Áp lực nước: $\leq 50 \text{ kg/cm}^2$	sợi	8		
54	Ống nước Ø114 mm	– Kích thước: Ø114 mm – Vật liệu: PVC – Áp lực làm việc: PN5	mét	4		
55	Co, co lơi Ø114 mm	– Kích thước: Ø114 mm – Vật liệu: PVC – Áp lực làm việc: PN6	cái	6		
56	Nối thông tắt PVC Ø114 mm	– Kích thước: Ø114 mm – Vật liệu: PVC – Áp lực làm việc: PN5	cái	1		
57	Vật tư phụ	Vật tư phụ trọn gói để hoàn thiện tất cả các mục hàng hóa đã cung cấp bao gồm: silicon, giá đỡ ống gió thép V5, khung đỡ lọc HEPA, bu long, tán M8, vít bắn, thanh ren, tắc kê, cùm treo, gối đỡ, keo dán, keo dán ống nước, băng keo lụa, băng keo bạc, kẽm, ốc vít, ron cao su, sơn, lưới cắt....	hệ	1		

Stt	Danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
58	Chi phí lắp đặt	Lắp đặt trọn gói để hoàn thiện hàng hóa đã cung cấp: – Lắp đặt ống gió, cấp gió, lọc HEPA, quạt vuông ...kết nối ống gió của lạnh trung tâm. – Lắp đặt máy lạnh treo tường. – Khoan ty treo, lắp giá đỡ. – Vật tư, thiết bị cấp nước, thoát nước. – Lắp đặt kết nối vật tư âm trần. – Cắt đục âm tường ống nước, vệ sinh, di chuyển rác sau lắp đặt ra khỏi bệnh viện. – Hoàn thiện tường, tường bê-tông, sàn, vách, trần...đặt kỹ thuật, thẩm mỹ. – Lắp đặt đường ống cấp, thoát nước và thiết bị vệ sinh theo bản vẽ HSSG01 và NO1. – Lắp đặt ống gió, miệng gió theo bản vẽ HSSG02 và NO2. – Khoan lỗ bê tông D60: 06 lỗ. – Khoan lỗ bê tông D100: 01 lỗ. – Khoan lỗ bê tông D120: 01 lỗ. – Thời gian thực hiện: hành chính, ngoài giờ hành chính, Chủ nhật, ngày lễ.	gói	1		
Tổng cộng đã bao gồm thuế						

Báo giá này có hiệu lực từ ngày / / 2021 đến ngày / / 2021

Ngày ... tháng năm 2021

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký tên và đóng dấu)

